TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 162/2022/HNGĐ-ST
Ngày 14 – 7 – 2022
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Mỹ Hương.

2. Ông Trương Công Minh.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thúy Kiều – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 296/2022/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 5 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1982; Địa chỉ: ấp 2, xã Tân L, huyện Thới B, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Hà Văn K, sinh năm 1965; Địa chỉ: ấp Xóm C, xã Hòa T, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị N và anh Hà Văn K chung sống với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố Cà Mau. Quá trình chung sống, theo chị N trình bày thời gian đầu có hạnh phúc nhưng một thời gian sau, giữa anh chị xảy ra nhiêu mâu thuẫn nguyên nhân do anh K ghen tuông vô cớ, xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của chị đến khoảng tháng 5 năm 2022, cũng vì ghen tuông anh K đánh đập chị nơi đông người và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và chị cũng không còn tình cảm với anh K nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn.

Về con chung, chị N và anh K chung sống với nhau có 01 người con là Hà Ngọc Ánh Dương, sinh ngày 26/4/2019. Hiện con đang chung sống với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung, chị N khai không có.

Đối với anh Hà Văn K, tuy đã được Thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng anh không đến Toà, cũng không gửi văn bản để nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị N nên Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, anh Hà Văn K đã được thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh K.

[2] Về hôn nhân, chị Nguyễn Thị N và anh Hà Văn K chung sống với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh, chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy anh K đã được triệu tập hợp lệ, song anh vẫn vắng mặt không rõ lý do và trong thời gian giải quyết vụ án, anh không đến Toà, không gửi văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện cũng như lời trình bày của chị N. Cho nên, có cơ sở xác định lời trình bày của chị N về thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn là đúng và cũng chính từ mâu thuẫn trên mà anh, chị đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2022 cho đến nay. Tại phiên tòa, chị N xác định không còn tình cảm với anh K và cương quyết xin ly hôn, không đồng ý hòa giải đoàn tụ.

Xét thấy, với mâu thuẫn chị N trình bày có căn cứ để nhận định rằng tình trạng hôn nhân giữa chị với anh K đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của chị N về hôn nhân được chấp nhận.

[3] Về con chung, chị N có yêu cầu được nuôi và yêu cầu anh K cấp dưỡng, riêng anh K không có ý kiến gì về yêu cầu trên. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con cho cha hoặc mẹ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Mặc dù, anh K vắng mặt tại phiên tòa nhưng anh đã biết được nội dung yêu cầu của chị N. Tuy nhiên, anh không gửi văn bản ý kiến cho Tòa xem xét nên chưa có cơ sở để khẳng định việc giao các con cho anh K nuôi dạy sẽ đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con. Hơn nữa, cháu Dương là nữ giới, việc phát triển tâm sinh lý của cháu cần phải có sự gần gũi, chăm sóc, chia sẽ của người mẹ. Do đó, yêu cầu của chị N về con là có căn cứ, được chấp nhận.

Đối với việc cấp dưỡng nhằm đảm bảo nhu cầu thiết yếu của con, đảm bảo cho cuộc sống của con được đầy đủ, tốt hơn và thể hiện được trách nhiệm, tình thương của

người làm cha, làm mẹ đối với con cái nên việc chị N yêu cầu anh K cấp dưỡng là có cơ sở. Tuy nhiên, do chưa đủ cơ sở xác định mức thu nhập của anh K trong khi yêu cầu cấp dưỡng của chị N là cao so với quy định nên cần điều chỉnh lại và buộc anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi con tròn 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nợ chung, chị N khai không có nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, chị N phải chịu. Anh K phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 144, 147, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị N về việc xin ly hôn anh Hà Văn K.

- Về con chung là Hà Ngọc Ánh Dương, sinh ngày 26/4/2019, hiện đang chung sống với chị N. Khi ly hôn, tiếp tục giao con cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng và anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi con tròn 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh K có quyền đến thăm nom, chăm sóc và nuôi dạy con chung.

Kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án, anh K không tự nguyện thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì còn phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Về tài sản chung và nợ chung, chị N khai không có nên không đặt ra xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, chị Nguyễn Thị N phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ngày 27/5/2022, chị N đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0001430 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

- Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con, anh Hà Văn K phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng – chưa nộp).

Chị N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh K vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- UBND phường T, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lâm Hoài Ân